

**BIỂU PHÍ THANH TOÁN QUỐC TẾ DÀNH CHO KHÁCH HÀNG DOANH NGHIỆP**

STT	KHOẢN MỤC	BIỂU PHÍ		
		Mức phí	Phí tối thiểu	Phí tối đa
<b>I</b>	<b>CHUYỂN TIỀN ĐI</b>			
1	Phát hành lệnh chuyển tiền	0,2%	10 USD	500 USD
2	Tra soát/ Điều chỉnh lệnh chuyển tiền	10 USD/lần (+ phí Ngân hàng nước ngoài, nếu có) (Chưa bao gồm điện phí)		
3	Hủy lệnh chuyển tiền	10 USD/lần (Chưa bao gồm điện phí)		
<b>II</b>	<b>CHUYỂN TIỀN ĐẾN</b>			
1	Phí nhận tiền đến	0,10%	2 USD	150 USD
2	Tra soát/ Điều chỉnh lệnh chuyển tiền đến	5 USD/lần (Chưa bao gồm điện phí)		
3	Thoái hồi lệnh chuyển tiền đến	10 USD/lần (Chưa bao gồm điện phí)		
<b>III</b>	<b>NHỜ THU NHẬP KHẨU</b>			
1	Thông báo nhờ thu	15 USD (+ cước bưu điện, nếu có)		
2	Tra soát chứng từ nhờ thu (thu đơn vị yêu cầu tra soát)	10 USD/lần (Chưa bao gồm điện phí)		
3	Từ chối và chuyển trả chứng từ nhờ thu theo yêu cầu của khách hàng	Thu theo thực tế phát sinh	15 USD	
4	Phí xử lý và chuyển trả chứng từ nhờ thu theo yêu cầu của ngân hàng nhờ thu	10 USD/lần + cước phí thực tế (thu ngân hàng nhờ thu)		
5	Thanh toán bộ chứng từ nhờ thu	0,20%	20 USD	300 USD
6	Phí thông báo thanh toán - thu người thụ hưởng	25 USD/lần		
7	Chấp nhận thanh toán hối phiếu trả chậm	10 USD/bộ		
8	Ký hậu vận đơn	5 USD		
<b>9</b>	Phí xử lý khi thanh toán Nhờ thu nhập (thu người thụ hưởng nước ngoài)	20 USD		
<b>IV</b>	<b>NHỜ THU XUẤT KHẨU</b>			

1	Nhận và xử lý nhờ thu	15 USD/lần		
2	Gửi chứng từ nhờ thu	Thu theo thực tế phát sinh		
3	Tra soát, tu chỉnh nhờ thu theo yêu cầu của Khách hàng	10 USD/lần (Chưa bao gồm điện phí)		
4	Hủy/thu hồi nhờ thu theo đề nghị của Khách hàng	15 USD/lần (+ cước thực tế phát sinh) (Chưa bao gồm điện phí)		
5	Thanh toán nhờ thu	0,20%	10 USD	200 USD
<b>V</b>	<b>THU TÍN DỤNG NHẬP KHẨU</b>			
<b>1</b>	<b>Mở L/C (1)</b>			
1.1	Ký quỹ 100%	0,25%/năm	35 USD	500 USD
1.2	Ký quỹ dưới 100%	0,70%/năm	40 USD	500 USD
<b>2</b>	<b>Sửa đổi L/C</b>			
<b>2.1</b>	<i>Sửa đổi tăng tiền</i>	Như phí phát hành L/C tại phần 1 tính trên số tiền tăng thêm		
<b>2.2</b>	<i>Gia hạn L/C</i>	Như phí phát hành L/C tại phần 1 tính trên thời gian tăng thêm		
<b>2.3</b>	<b>Sửa đổi khác</b>			
a	Nếu Khách hàng trong nước chịu phí	10 USD/lần		
b	Nếu Khách hàng nước ngoài chịu phí	20 USD/lần		
<b>3</b>	<b>Tra soát L/C theo yêu cầu của người xin mở</b>	10 USD/lần (+ phí Ngân hàng nước ngoài, nếu có) (Chưa bao gồm điện phí)		
<b>4</b>	<b>Hủy L/C theo yêu cầu của người xin mở</b>	20 USD/lần (+ phí Ngân hàng nước ngoài, nếu có) (Chưa bao gồm điện phí)		
<b>5</b>	<b>Kiểm tra chứng từ và thông báo</b>	10 USD/bộ		
<b>6</b>	<b>Ký hậu vận đơn/Cargo Receipt</b>			
6.1	Khi chứng từ chưa về Ngân hàng	15 USD/lần		
6.2	Khi chứng từ đã về Ngân hàng	5 USD/lần		
<b>7</b>	<b>Phát hành bảo lãnh nhận hàng theo L/C, Phát hành thư ủy quyền nhận hàng theo L/C</b>	50 USD/lần		
<b>8</b>	<b>Phí sai biệt chứng từ (thu người thụ hưởng)</b>	80 USD/bộ		
<b>9</b>	<b>Phí xử lý bộ chứng từ bổ sung (thu người</b>	50 USD/bộ		

	thụ hưởng)			
<b>10</b>	<b>Chấp nhận thanh toán L/C trả chậm (2)</b>			
<b>10.1</b>	<b>Ký quỹ 100%</b>	0,05%/tháng	25 USD	
<b>10.2</b>	<b>Ký quỹ dưới 100%</b>		30 USD	
a	Đối với số tiền đã ký quỹ	0,05%/tháng		
b	Đối với số tiền không ký quỹ	0,10%/tháng		
<b>11</b>	<b>Thông báo từ chối thanh toán L/C</b>	20 USD/lần (+ cước phí thực tế)		
<b>12</b>	<b>Thông báo thanh toán L/C cho Ngân hàng nước ngoài</b>	20 USD/lần		
<b>13</b>	<b>Chuyển trả chứng từ cho Ngân hàng nước ngoài</b>	20 USD/bộ chứng từ (+ cước phí thực tế)		
<b>14</b>	<b>Thanh toán L/C</b>	0,20%	20 USD	500 USD
<b>15</b>	<b>L/C xác nhận</b> <i>(Chú ý: Trường hợp có phát sinh phí từ Ngân hàng xác nhận, ĐVKD thực hiện thu "phí Ngân hàng xác nhận" từ khách hàng tối thiểu không thấp hơn mức phí phải trả cho Ngân hàng xác nhận).</i>	Giống L/C thường + các phí Ngân hàng xác nhận (nếu có)		
<b>16</b>	<b>Phí xử lý khi thanh toán L/C (thu người thụ hưởng)</b>	20 USD		
<b>17</b>	<b>Phí quản lý bộ chứng từ có sai biệt trong khi chờ chỉ thị từ người mở L/C hoặc người thụ hưởng (thu người thụ hưởng)</b>	10 USD		
<b>VI</b>	<b>THƯ TÍN DỤNG XUẤT KHẨU</b>			
<b>1</b>	<b>Thông báo sơ bộ L/C</b>	Miễn phí (thu phí của bên thứ 3, nếu có)		
<b>2</b>	<b>Thông báo thư tín dụng</b>			
2.1	LienVietPostBank là ngân hàng thông báo trực tiếp	30 USD		
2.2	LienVietPostBank là ngân hàng thông báo thứ nhất	25 USD		
2.3	LienVietPostBank là ngân hàng thông báo thứ hai	10 USD + Phí Ngân Hàng thông báo thứ nhất		
<b>3</b>	<b>Chuyển tiếp L/C tới Ngân hàng khác</b>	15 USD (thu phí của bên thứ 3, nếu có)		
<b>4</b>	<b>Thông báo sửa đổi L/C</b>			
4.1	LienVietPostBank là ngân hàng thông báo trực tiếp	10 USD (thu phí của bên thứ 3, nếu có)		

4.2	LienVietPostBank là ngân hàng thông báo thứ nhất	15 USD (thu phí của bên thứ 3, nếu có)		
4.3	LienVietPostBank là ngân hàng thông báo thứ hai	10 USD (thu phí của bên thứ 3, nếu có)		
5	<b>Chuyển tiếp sửa đổi L/C tới Ngân hàng khác</b>	10 USD (thu phí của bên thứ 3, nếu có)		
6	<b>Nhận xử lý và kiểm tra chứng từ</b>	20 USD/bộ		
7	<b>Gửi chứng từ hàng xuất</b>	Thu theo thực tế phát sinh		
8	<b>Tra soát theo yêu cầu của người thụ hưởng</b>	15 USD (Chưa bao gồm điện phí)		
9	<b>Chứng từ bị hoàn trả do không được thanh toán</b>	Thu phí của bên thứ 3 (nếu có)		
10	<b>Thanh toán L/C</b>	0,15%	20 USD	200 USD
11	<b>Hủy L/C theo yêu cầu của Khách hàng</b>	10 USD/lần (Chưa bao gồm điện phí)		
12	<b>Kí hậu vận đơn</b>	5 USD		
13	<b>Phí kiểm tra sơ bộ/tư vấn lập bộ chứng từ xuất khẩu</b>	30 USD/bộ		
<b>VII</b>	<b>L/C CHUYỂN NHƯỢNG</b>			
<b>1</b>	<b>Phí thu người thụ hưởng thứ nhất</b>			
<b>1.1</b>	<b>Thông báo L/C</b>			
a	LienVietPostBank là ngân hàng thông báo trực tiếp	30 USD		
b	LienVietPostBank là ngân hàng thông báo thứ nhất	25 USD		
c	LienVietPostBank là ngân hàng thông báo thứ 2	10 USD + phí của NHTB thứ nhất		
<b>1.2</b>	<b>Thông báo sửa đổi L/C</b>			
a	LienVietPostBank là ngân hàng thông báo trực tiếp	10 USD		
b	LienVietPostBank là ngân hàng thông báo thứ nhất	15 USD		
c	LienVietPostBank là ngân hàng thông báo thứ 2			
<b>1.3</b>	<b>Chuyển nhượng L/C</b>	0,10% trị giá L/C	30 USD	200 USD
<b>1.4</b>	<b>Sửa đổi L/C chuyển nhượng</b>			
a	Sửa đổi tăng tiền	Thu theo mức phí chuyển nhượng L/C tính trên số tiền tăng thêm		
b	Sửa đổi khác	20 USD/lần		

1.5	<i>Tra soát L/C chuyển nhượng</i>	10 USD/lần + (phí NHNN nếu có)		
1.6	<i>Hủy L/C chuyển nhượng</i>	20 USD + (Phí của người thụ hưởng thứ hai nếu có)		
1.7	<i>Ký hậu vận đơn</i>	5 USD/bộ		
<b>2</b>	<b>Phí thu người thụ hưởng thứ hai</b>			
2.1	<i>Sửa đổi L/C chuyển nhượng</i>			
a	Sửa đổi tăng tiền	Thu theo mức phí chuyển nhượng L/C tính trên số tiền tăng thêm		
b	Sửa đổi khác	20 USD/lần		
2.2	<i>Hủy L/C chuyển nhượng</i>	20 USD + phí của người hưởng lợi thứ nhất (nếu có)		
2.3	<i>Tra soát liên quan đến bộ chứng từ</i>	15 USD/lần		
2.4	<i>Thông báo thanh toán</i>	20 USD/lần		
2.5	<i>Phí sai biệt chứng từ (thu người thụ hưởng)</i>	80 USD/bộ		
2.6	<i>Thông báo từ chối thanh toán</i>	20 USD/lần		
2.7	<i>Phí xử lý bộ chứng từ bổ sung (thu người thụ hưởng)</i>	50 USD		
2.8	<i>Phí chuyển trả chứng từ xuất trình theo L/C chuyển nhượng</i>			
a	Người thụ hưởng thứ hai ở trong nước	10 USD/bộ + cước phí thực tế		
b	Người thụ hưởng thứ hai ở ngoài nước	20 USD/bộ + cước phí thực tế		
<b>3</b>	<b>Phí chung (thu theo tỉ lệ thỏa thuận khi phát hành L/C chuyển nhượng)</b>			
3.1	Tra soát liên quan đến BCT	15 USD/ lần + điện phí		
3.2	Nhận xử lý và kiểm tra chứng từ	20 USD/bộ		
3.3	Gửi bộ chứng từ xuất	Thu theo thực tế		
-	Phí báo có / Phí thanh toán BCT theo L/C chuyển nhượng	0,15% * Số tiền báo có	20 USD	200 USD
-	Phí xử lý khi thanh toán L/C (thu người thụ hưởng)		20USD	
3.4	Phí quản lý bộ chứng từ có sai biệt trong khi chờ chỉ thị từ người mở L/C hoặc người thụ hưởng (thu người thụ hưởng)		10USD	
<b>VIII</b>	<b>THƯ TÍN DỤNG TRẢ CHẬM ĐƯỢC THANH TOÁN NGAY (UPAS)</b>			
<b>1</b>	<b>Mở L/C (1)</b>			
1.1	Ký quỹ 100%	0,25%/năm	35 USD	500 USD
1.2	Ký quỹ dưới 100%	0,70%/năm	40 USD	500

				USD
<b>2</b>	<b>Sửa đổi L/C</b>			
<b>2.1</b>	<b>Sửa đổi tăng tiền</b>	Nhu phí phát hành L/C tại phần 1 tính trên số tiền tăng thêm cộng (+) phí từ Ngân hàng cung cấp dịch vụ UPAS, nếu có, và sẽ thu theo thực tế phát sinh)		
<b>2.2</b>	<b>Gia hạn L/C</b>	Nhu phí phát hành L/C tại phần 1 tính trên thời gian tăng thêm cộng (+) phí từ Ngân hàng cung cấp dịch vụ UPAS, nếu có, và sẽ thu theo thực tế phát sinh)		
<b>2.3</b>	<b>Sửa đổi khác</b>			
a	Nếu Khách hàng trong nước chịu phí	10 USD/lần cộng (+) phí từ Ngân hàng cung cấp dịch vụ UPAS, nếu có, và sẽ thu theo thực tế phát sinh)		
b	Nếu Khách hàng nước ngoài chịu phí	20 USD/lần cộng (+) phí từ Ngân hàng cung cấp dịch vụ UPAS, nếu có, và sẽ thu theo thực tế phát sinh)		
<b>3</b>	<b>Tra soát UPAS L/C theo yêu cầu của người xin mở</b>	10 USD/lần (+ phí Ngân hàng nước ngoài, nếu có) (Chưa bao gồm điện phí)		
<b>4</b>	<b>Hủy UPAS L/C theo yêu cầu của người xin mở</b>	20 USD/lần (+ phí Ngân hàng nước ngoài, nếu có) (Chưa bao gồm điện phí)		
<b>5</b>	<b>Kiểm tra chứng từ và thông báo</b>	10 USD/bộ		
<b>6</b>	<b>Ký hậu vận đơn/Cargo Receipt</b>			
6.1	Khi chứng từ chưa về Ngân hàng	15 USD/lần		
6.2	Khi chứng từ đã về Ngân hàng	5 USD/lần		
<b>7</b>	<b>Phát hành bảo lãnh nhận hàng theo UPAS L/C, Phát hành thư ủy quyền nhận hàng theo L/C</b>	50 USD/lần		
<b>8</b>	<b>Phí sai biệt chứng từ (thu người thụ hưởng)</b>	80 USD/bộ		
<b>9</b>	<b>Phí xử lý bộ chứng từ bổ sung (thu người thụ hưởng)</b>	50 USD		
<b>10</b>	<b>Phí cam kết UPAS (thu trong trường hợp chấp nhận thanh toán trả ngay cho Người thụ hưởng)</b>	(Tỷ lệ phí phải trả Ngân hàng cung cấp dịch vụ UPAS + x) %/năm		
<b>11</b>	<b>Thông báo từ chối thanh toán UPAS L/C</b>	20 USD/lần (+ cước phí thực tế)		
<b>12</b>	<b>Phí bồi hoàn (nếu có)</b>	10 USD/bộ		
<b>13</b>	<b>Chuyển trả chứng từ cho Ngân hàng nước ngoài</b>	20 USD/bộ chứng từ (+ cước phí thực tế)		

14	Thanh toán UPAS L/C	0,20%	20 USD	500 USD
15	Phí xử lý khi thanh toán L/C (thu người thụ hưởng)	20 USD	-	-
16	Phí quản lý bộ chứng từ có sai biệt trong khi chờ chỉ thị từ người mở L/C hoặc người thụ hưởng (thu người thụ hưởng)	10 USD	-	-
<b>IX</b>	<b>SÉC</b>			
1	Nhận và xử lý nhờ thu séc	3 USD/tờ		
2	Thanh toán nhờ thu séc	0,20%	20 USD	100 USD
3	Séc nhờ thu bị từ chối	Thu phí thực tế phải trả Ngân hàng nước ngoài		
<b>X</b>	<b>PHÍ KHÁC</b>	Thu theo thỏa thuận hoặc thu theo thực tế phát sinh		
<b>XI</b>	<b>ĐIỆN PHÍ</b>			
1	Điện phí mở L/C/Phát hành Bảo lãnh/mở L/C dự phòng	20 USD/điện		
2	Điện phí chuyển tiền	10 USD/điện		
3	Điện phí khác (tu chỉnh LC; tra soát giao dịch LC, nhờ thu, T/T, thoái hối...)	15 USD/điện		

**Lưu ý:**

- Ký hiệu từ (1) (2) tại biểu phí trên được hiểu như sau:

(1) Thời gian tính phí mở L/C được xác định từ thời điểm mở L/C đến thời điểm hết hạn hiệu lực L/C và được tính theo số ngày thực tế (không làm tròn tháng).

(2) Thời gian tính phí được xác định từ ngày Ngân hàng Liên Việt chấp nhận thanh toán L/C đến ngày thanh toán L/C theo số ngày thực tế (không làm tròn tháng). Ví dụ: Ngày chấp nhận thanh toán L/C là ngày 24/11/2014, ngày thanh toán là 30/11/2014, thời gian tính phí sẽ là 07 ngày.

- Biểu phí này chưa bao gồm thuế GTGT (10%).

- Một năm bằng 365 ngày.

- Trường hợp Ngân hàng Bưu Điện Liên Việt thực hiện các giao dịch thông qua Tổ chức tín dụng khác theo yêu cầu của Khách hàng. Ngân hàng Bưu điện Liên Việt sẽ áp dụng mức phí theo mức phí của các Tổ chức tín dụng tương ứng.

- Đối với các loại tiền khác thu theo thực tế phát sinh.

- LienVietPostBank không hoàn trả lại phí đã thu trong trường hợp khách hàng yêu cầu hủy bỏ dịch vụ hoặc dịch vụ không được thực hiện vì sai sót, sự cố không phải do lỗi của LienVietPostBank gây ra.

- Tùy từng trường hợp và tính chất giao dịch cụ thể, LienVietPostBank có thể thu các phí khác ngoài các loại phí Quy định trong Biểu phí trên cơ sở đảm bảo tuân thủ quy định của Pháp luật hiện hành và có thỏa thuận với khách hàng.

- Đối với phí dịch vụ quy định bằng ngoại tệ, trường hợp phải thu bằng VND sẽ tính theo tỷ giá bán ngoại tệ do LienVietPostBank công bố tại thời điểm bán.

- Các chi phí thực tế khác như thuế, các chi phí phải trả cho ngân hàng nước ngoài tham gia dịch vụ, nếu có, sẽ thu theo thực chi.

- Phí dịch vụ được thu từng lần ngay khi phát sinh hoặc thu gộp một lần sau khi kết thúc toàn bộ dịch vụ tùy theo tính chất của loại dịch vụ đó.